

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2017/DS-ST**
Ngày 30-8-2017
V/v tranh chấp giao dịch hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hận

Bà Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 29, 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 330/2017/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị C, sinh năm 1962; cư trú tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1962; cư trú tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Chị Trần Thị C1, sinh năm 1980; cư trú tại ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Văn B, sinh năm 1985; cư trú tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Chị Trần Thị M1; cư trú tại đường T, khóm 6, phường 9, thành phố M, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03-5-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Thái Thị C trình bày: Trong quá trình bà C làm chủ hui từ năm 2013 đến năm 2014 âl, bà Trần Thị M có tham gia nhiều phần hui của 04 dây hui theo danh sách hui ghi tên K là chồng bà M (ông K hiện nay đã chết). Cụ thể:

- Dây thứ 01: Mở ngày 10-4-2013 âl, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 25 phần, mỗi tháng khui 01 kỳ, bà M tham gia 01 phần. Đến tháng 8 năm 2013 âl (kỳ thứ 4) thì bà M hốt số tiền 35.400.000 đồng. Sau khi hốt, bà M đóng đến tháng 9 năm 2014, còn nợ lại 07 kỳ x 2.000.000 đồng = 14.000.000 đồng.

- Dây thứ 02: Mở ngày 15-01-2014 âl (Dây A), loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 29 phần, mỗi tháng khui 01 kỳ, bà M tham gia 02 phần. Kỳ khui hụi đầu tiên bà M hốt 01 phần, 01 phần còn lại hốt vào tháng 9 năm 2014 âl và ngưng đóng hụi; còn nợ lại 20 kỳ x 1.000.000 đồng x 02 phần = 40.000.000 đồng.

- Dây thứ 03: Mở ngày 15-01-2014 âl (Dây B), loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 29 phần, mỗi tháng khui 01 kỳ, bà M tham gia 01 phần. Bà M hốt vào kỳ thứ 3 và đóng lại đến tháng 10 năm 2014 thì ngưng nên còn nợ lại 20 kỳ x 1.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

- Dây thứ 04: Mở ngày 20-4-2014 âl, loại hụi 3.000.000 đồng, gồm có 30 phần, mỗi tháng khui 01 kỳ, bà M tham gia 02 phần. Bà M hốt 01 phần vào kỳ thứ 03, sau khi hốt đã đóng lại hụi chết đến tháng 10 năm 2014 thì ngưng nên còn nợ lại 25 kỳ x 3.000.000 đồng = 75.000.000 đồng. Phần hụi còn lại bà M đóng đến tháng 9 năm 2014 là được 05 kỳ thì ngưng đóng. Sau đó, bà C sang lại phần hụi này cho chị Trần Thị M1 với giá 10.000.000 đồng.

Tất cả các dây hụi hiện nay đã mãn. Tổng cộng số tiền hụi mà bà M còn nợ lại là 149.000.000 đồng. Từ tháng 10 năm 2014 đến ngày 24-12-2015 âm lịch, bà M đã thanh toán được 42.850.000 đồng (Trong đó, số tiền sang hụi lại cho chị M1 là 10.000.000 đồng nhưng thỏa thuận đối trừ là 12.000.000 đồng).

Ngày 24-12-2015, bà C và bà M có kết nợ lại và thống nhất bà M còn nợ lại bà C số tiền 100.150.000 đồng; sau khi kết nợ đến tháng 10 năm 2016, bà M đã thanh toán được 21.000.000 đồng. Tại Biên bản hòa giải ngày 10-11-2016 của Tổ hòa giải ấp P, xã A, bà M thừa nhận còn nợ lại số tiền 100.150.000 đồng, đã trả được 21.000.000 đồng và hứa sẽ trả tiếp 20.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Đến tháng 11 năm 2016 thanh toán 7.000.000 đồng, ngày 28-01-2017, bà M cùng con gái là chị Trần Thị C1 và bà C kết toán lại số, bà M đã trả thêm được 12.350.000 đồng thì ngưng không thanh toán cho đến nay. Tổng số tiền đã trả sau khi kết nợ ngày 24-12-2015 âl là 40.350.000 đồng.

Nay bà C yêu cầu bà Trần Thị M trả số tiền hụi còn nợ lại là 59.800.000 đồng. Bà C không yêu cầu Tòa án xem xét để buộc chị Trần Thị C1 cùng có nghĩa vụ với bà M thanh toán khoản tiền trên.

Tại Biên bản hòa giải ngày 02-6-2017 cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Trần Thị M trình bày: Bà M thừa nhận có tham gia các phần hụi trong các dây hụi đúng như nguyên đơn trình bày và chữ viết tên của bà tại các biên nhận giao hụi, sổ theo dõi của bà C và đến ngày 24-12-2015, hai bên có kết nợ và thống nhất bà còn nợ lại bà C số tiền 100.150.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà M xác định còn nợ lại các dây hụi mở vào ngày 15-01-2014 âl (Dây A), ngày 15-01-2014 âl (Dây B) và dây hụi mở ngày 20-4-2014 âl với tổng số tiền là 45.800.000 đồng và đồng ý thanh toán. Đối với dây hụi mở ngày 10-4-2013 âl, bà M không thừa nhận còn nợ lại 07 kỳ x 2.000.000 đồng = 14.000.000 đồng, vì sau

khi hốt bà M đã đóng lại đến khi mãn hạn.

Chị Trần Thị C1 trình bày: Ngày 28-01-2017 âl, chị C1 và bà C có khất nợ lại (tại thời điểm này có mặt chị C1, bà C và bà M) thì các bên thống nhất xác định tổng số tiền còn nợ lại là 65.000.000 đồng. Biên nhận nợ do chị tự viết và ký tên, có đọc lại nội dung biên nhận cho bà M nghe. Do chị không biết bà C và bà M kết nợ với số tiền là 100.150.000 đồng nên chị đã ký nhận nợ là 65.000.000 đồng (Tổng 148.000.000 đồng – số tiền đã trả là 83.000.000 đồng) và đồng ý cùng bà M thanh toán cho bà C.

Tại phiên tòa, chị C1 thống nhất với lời trình bày của bà M và chị không đồng ý liên đới cùng bà M thanh toán khoản nợ cho bà C. Đồng thời, chị C1 xác định từ khi kết nợ lại ngày 28-01-2017 đến nay phía bị đơn không thanh toán thêm khoản nào cho bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tại bản tự khai đề ngày 09-6-2017 của chị Trần Thị M1 thể hiện: Vào tháng 9 năm 2014 âl, chị M1 có sang lại một phần hui 3.000.000 đồng do bà C làm chủ hui với giá là 10.000.000 đồng. Chị M1 có nghe nói lại đây là phần hui của bà K (K là chồng của bà M) tham gia nhưng không có khả năng nên ngưng đóng hui. Hiện nay dây hui này đã mãn và chị M1 xác định không có tranh chấp nên không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, chị M1 xin từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại Tờ tường trình đề ngày 17-7-2017 cũng như tại phiên tòa, anh Phạm Văn B trình bày: Đối với 02 dây hui loại 1.000.000 đồng cùng mở ngày 15-01-2014 âl (Dây A và Dây B) do mẹ anh là bà Thái Thị C làm chủ hui và là người trực tiếp đứng ra giao dịch với các hui viên tham gia. Anh B xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hai dây hui này nên không có yêu cầu gì trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị M1 có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị M1.

[2] Quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp giữa các đương sự được xác định là giao dịch dân sự về hui có lãi và thuộc hình thức hui hưởng hoa hồng được thể hiện tại danh sách những hui viên được các bên đương sự thống nhất xác định. Hình thức và nội dung thỏa thuận giữa bà C và bà M tại thời điểm xác lập giao dịch hui là phù hợp với quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự và Nghị định 144 ngày 27/11/2006 của Chính phủ nên khi phát sinh tranh chấp làm cơ sở để giải quyết.

[3] Tại phiên tòa, bà M thừa nhận có tham gia các dây hui, loại hui, kỳ khai hui, thời điểm kết nợ và thừa nhận còn nợ lại hui chết của các dây hui mở ngày ngày 15-01-2014 âl (Dây A), ngày 15-01-2014 âl (Dây B) và dây hui mở ngày 20-4-2014 âl, tổng số tiền 45.800.000 đồng và đồng ý thanh toán. Xét thấy, sự thừa nhận của bà M là trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định pháp luật và phía nguyên đơn thống nhất; sự thừa nhận này phù hợp với các biên nhận tiền ngày 10-8-2013, ngày 15-02-2014, ngày 20-6-2014 và ngày 15-9-2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[4] Đối với dây hụi mở ngày 10-4-2013 ăl, bà M không thừa nhận còn nợ lại 07 kỳ x 2.000.000 đồng = 14.000.000 đồng, vì cho rằng đã đóng hụi đến khi mãn. Xét thấy, tại phiên tòa, bà M cũng đã thừa nhận chữ viết tên “M” tại sổ theo dõi của bà C là của bà M, thể hiện: “Hụi 2.000.000 đồng chưa đóng ngày 10-10-2014, tháng 11 năm 2014, tháng 12 năm 2014 chưa đóng....”. Hơn nữa, tại văn bản ngày 09-6-2017 chị M1 xác định có mua lại dây hụi của bà M vào tháng 9 năm 2014 vì lý do bà M tham gia nhưng không đóng hụi cho đầu thảo. Phía bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh sau khi hốt hụi đã đóng lại cho bà C đến khi mãn hụi. Như vậy, có căn cứ xác định thời điểm bà M hốt các dây hụi và thời điểm ngưng đóng hụi cho phía nguyên đơn là tháng 10 năm 2014 ăl và còn nợ lại 14.000.000 đồng.

Khi kết nợ hụi vào ngày 24-12-2015 ăl có sự nhầm lẫn việc năm 2014 ăl nhuận hai tháng 9 nên bà C tính tổng số tiền hụi chết chưa đóng là 143.000.000 đồng (thực tế là 149.000.000 đồng), đối trừ số tiền đã trả 42.850.000 đồng, bà M còn nợ lại 100.150.000 đồng. Số tiền chênh lệch bà C thống nhất theo biên nhận nợ ngày 24-12-2015 ăl, không yêu cầu xem xét lại nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Như đã phân tích trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Thái Thị C tổng số tiền nợ hụi là 59.800.000 đồng (Năm mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

[5] Tại phiên tòa, bà C không yêu cầu chị C1 cùng có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên và chị C1 cũng không tự nguyện nên Tòa án không xem xét buộc chị C1 cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền trên.

[6] Đối với chị Trần Thị M1 là người đã sang lại phần hụi 3.000.000 đồng của bà M sau khi bà M đóng hụi cho bà C được 5 lần, giá sang hụi là 10.000.000 đồng. Bà C và bà M đều thống nhất về phần hụi này và bà C đã đối trừ cho bà M số tiền nợ là 12.000.000 đồng, không có tranh chấp. Hiện nay, dây hụi này đã mãn và chị M1 cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Anh Phạm Văn B là người lập danh sách hụi đối với 02 dây hụi loại 1.000.000 đồng cùng mở vào ngày 15-01-2014 ăl (Dây A và Dây B). Tuy nhiên, anh B, bà C và bà M đều thống nhất thừa nhận chủ hụi của 02 dây hụi này là bà C; bà C là người trực tiếp đứng ra giao dịch với các hụi viên, anh B không liên quan gì đến 02 dây hụi này. Các đương sự không có yêu cầu gì đối với anh B, cũng như anh B không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với toàn bộ số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 59.800.000 đồng. Cụ thể: $59.800.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.990.000 \text{ đồng}$ (Hai triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí, đã dự nộp được hoàn trả lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị C.

Buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho cho bà Thái Thị C số tiền nợ hội là 59.800.000 đồng (Năm mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Thái Thị C có đơn yêu cầu thi hành, nếu bà Trần Thị M không tự nguyện thi hành xong, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Thái Thị C số tiền đã dự nộp tạm ứng án phí 1.625.000 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006913 ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.990.000 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng), chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Thái Thị C, bà Trần Thị M, chị Trần Thị C1 và anh Phạm Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị M1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Minh Út